

Bảng 7: Khung chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD giảng dạy bằng tiếng Anh, định hướng ứng dụng

Số TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
I	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN		12	
1	PHI 641	Triết học (<i>Philosophy of Marxism – Leninism</i>)	4	
2	VNC 651	Văn hoá Việt Nam (<i>Vietnamese and Vietnamese culture</i>)	5	
3	BUS 631	Phân tích định lượng trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced quantitative analysis in Management</i>)	3	
II	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH		15	
	Các học phần bắt buộc		9	
4	STM 631	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	
5	HRM 631	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human resource management</i>)	3	
6	AFM 631	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Enterprise Financial management</i>)	3	
	Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)		6	
7,8	MAE 631	Kinh tế học quản lý nâng cao (<i>Advanced Economics in Management</i>)	3	
	TDM 631	Lý thuyết ra quyết định trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Theory of Managerial Decision Making</i>)	3	
	QAB 631	Thống kê kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Statistics</i>)	3	
	INB 631	Quản trị kinh doanh quốc tế nâng cao (<i>Advanced International Business management</i>)	3	
	BUL 631	Luật kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Law</i>)	3	
	MAA 631	Kế toán quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Accounting</i>)	3	
	MRE 631	Nghiên cứu Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Research</i>)	3	
	ENB 631	Hành vi tổ chức nâng cao (<i>Advanced Human Behavior in Organization</i>)	3	
	MAM 631	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	

	FIM 631	Thị trường và các định chế tài chính nâng cao (<i>Advanced financial markets and institutions</i>)	3	
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		18	
	Các học phần bắt buộc		9	
9	SCM 631	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao (<i>Advanced Supply Chain Management</i>)	3	
10	BCM 631	Quản trị chi phí kinh doanh (<i>Cost management</i>)	3	
11	PRM 631	Quản trị dự án nâng cao (<i>Advanced Project Management</i>)	3	
	Các học phần tự chọn (chọn 3 học phần)		9	
12, 13, 14	ARM 631	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Risk management in enterprise</i>)	3	
	OPM 631	Quản trị sản xuất nâng cao (<i>Advanced Operation Management</i>)	3	
	QUM 631	Quản trị chất lượng nâng cao (<i>Advanced Quality Management</i>)	3	
	MIS 631	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Communication System</i>)	3	
	ORC 631	Văn hoá tổ chức nâng cao (<i>Advanced Organizational culture</i>)	3	
	MAS 631	Kỹ năng quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Skills</i>)	3	
	NCR 631	Đàm phán trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Negotiation in business</i>)	3	
	ATM 631	Quản trị công nghệ và đổi mới nâng cao (<i>Advanced Technology management and innovation</i>)	3	
IV	THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		15	
4.1		Chuyên đề thực tế 1 (Seminar 1)	3	
4.2		Chuyên đề thực tế 2 (Seminar 2)	3	
4.3	MAE 907	Đề án tốt nghiệp (Seminar 3)	9	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			60	

(Đối với học phần Văn hoá Việt Nam có thể được thay thế bởi các học phần tiếng việt)

Bảng 6: Khung chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD giảng dạy bằng tiếng Anh, định hướng nghiên cứu

Số TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
I	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN		12	
1	PHI 641	Triết học (<i>Philosophy of Maxism – Leninism</i>)	4	
2	VNC 651	Văn hoá Việt Nam (<i>Vietnamese culture</i>)	5	
3	MSR 631	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (<i>Advanced Research Method in Management</i>)	3	
II	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH		12	
	Các học phần bắt buộc		6	
4	MAE 631	Kinh tế học quản lý nâng cao (<i>Advanced Economics in Management</i>)	3	
5	STM 631	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	
	Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)		6	
	HRM 631	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human resource management</i>)	3	
	BUS 631	Phân tích định lượng trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced quantitative analysis in Management</i>)	3	
	QAB 631	Thống kê kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Statistics</i>)	3	
	AFM 631	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Corporate Financial management</i>)	3	
	TDM 631	Lý thuyết ra quyết định trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Theory of Managerial Decision Making</i>)	3	
	INB 631	Quản trị Kinh doanh quốc tế nâng cao (<i>Advanced International Business Management</i>)	3	
	BUL 631	Luật kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Law</i>)	3	
	MAA 631	Kế toán quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Accounting</i>)	3	
	MRE 631	Nghiên cứu Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Research</i>)	3	
	ENB 631	Hành vi tổ chức nâng cao (<i>Advanced Human Behavior in Organization</i>)	3	
	MAM 631	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	

Số TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
	FIM 631	Thị trường và các định chế tài chính nâng cao (<i>Advanced financial markets and institutions</i>)	3	
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		9	
	Các học phần bắt buộc		3	
8	ARM 631	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Risk management in enterprise</i>)	3	
	Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)		6	
	BCM 631	Quản trị chi phí kinh doanh (<i>Advanced Cost management</i>)	3	
	SCM 631	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao (<i>Advanced Supply Chain Management</i>)	3	
	PRM 631	Quản trị dự án nâng cao (<i>Advanced Project Management</i>)	3	
	OPM 631	Quản trị sản xuất nâng cao (<i>Advanced Operations Management</i>)	3	
	ECB 631	Thương mại điện tử nâng cao (<i>Advanced E-commerce</i>)	3	
	QUM 631	Quản trị chất lượng nâng cao (<i>Advanced Quality Management</i>)	3	
	MIS 631	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Communication System</i>)	3	
	ORC 631	Văn hoá doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Organizational Culture</i>)	3	
	MAS 631	Kỹ năng quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Skills</i>)	3	
	NCR 631	Đàm phán trong kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Negotiation in business</i>)	3	
VI	THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		27	
4.1		Chuyên đề thực tế 1	6	
4.2		Chuyên đề thực tế 2	6	
4.3	MAE 907	Luận văn tốt nghiệp	15	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			60	

(Đối với học phần Văn hoá Việt Nam có thể được thay thế bởi các học phần tiếng việt)